

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ GIỚI NINH BÌNH**

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI
NGHỀ: CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG/TRUN CẤP

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TCGNB ngày.....tháng.....năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình*

Ninh Bình, năm 2021

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được pháp dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Chương 1. Khái niệm - Triết lý và giá trị của công tác xã hội

1. Khái niệm về công tác xã hội
2. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển nghề công tác xã hội
3. Triết lý và giá trị của nghề công tác xã hội

Chương 2. Vai trò, chức năng và nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội

1. Mục đích, vai trò của công tác xã hội
2. Chức năng của công tác xã hội
3. Nguyên tắc nghề nghiệp trong công tác xã hội
4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp công tác xã hội

Chương 3. Hệ thống cơ quan, tổ chức làm công tác xã hội và nhân viên xã hội chuyên nghiệp

1. Bốn thành tố cơ bản trong công tác xã hội
2. Hệ thống cơ quan làm công tác xã hội
3. Nhân viên xã hội chuyên nghiệp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI NÓI ĐẦU

Vào đầu thế kỷ XX, Công tác xã hội với tư cách là một khoa học, một nghề chuyên môn đã ra đời và sau đó được phát triển rộng khắp ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nó có vị trí quan trọng trong việc góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, vì sự tiến bộ và công bằng xã hội, vì sự an sinh xã hội và phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Trong xu thế hội nhập và phát triển, việc phát triển nghề Công tác xã hội và đào tạo Công tác xã hội ở nước ta hiện nay vừa mang tính cấp bách, vừa có tính lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước vì mục tiêu " Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh".

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu Công tác xã hội, Trường Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình tổ chức biên soạn "Giáo trình Nhập môn Công tác xã hội". Giáo trình có cấu trúc gồm 3 chương:

Chương I: Khái niệm, triết lý và giá trị của Công tác xã hội.

Chương II: Vai trò, chức năng và nguyên tắc nghề nghiệp trong Công tác xã hội.

Chương III: Hệ thống cơ quan, tổ chức làm Công tác xã hội và Nhân viên xã hội chuyên nghiệp.

Do Công tác xã hội là một khoa học còn mới mẻ ở Việt Nam nên giáo trình không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc để giáo trình này được hoàn thiện hơn.

Nhóm biên soạn:

Lê Hùng Cường

Nguyễn Thị Lành

Phạm Thanh Bằng

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nhập môn Công tác xã hội

Mã số môn học: MH 15

Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí môn học: Nhập môn công tác xã hội là môn học lý thuyết cơ sở nghề quan trọng của chương trình đào tạo nghề Công tác xã hội, trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội để làm cơ sở cho việc tiếp cận, nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng, phương pháp công tác xã hội cá nhân, nhóm, cộng đồng

- Tính chất của môn học: Là môn lý thuyết cơ sở nghề bắt buộc

Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được những kiến thức về triết lý nghề nghiệp, nguyên tắc và vai trò của nhân viên xã hội để vận dụng trong công tác xã hội với đối tượng;
 - + Phân biệt được công tác xã hội với công tác từ thiện;
 - + Phân tích được giá trị, đạo đức của nghề công tác xã hội.
- Về kỹ năng:
 - + Thực hành vận dụng các nguyên tắc, giá trị đạo đức nghề công tác xã hội;
 - + Vận dụng được các phương pháp công tác xã hội và tiến trình công tác xã hội vào quá trình giúp đỡ đối tượng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tích cực trong học tập như sự chăm chỉ, sáng tạo, tinh thần tự nghiên cứu và bổ sung kiến thức; Tôn trọng, không phê phán và chấp nhận đối tượng; tích cực chủ động tham gia trong quá trình học tập.

Nội dung môn học:

CHƯƠNG I: KHÁI NIỆM, TRIẾT LÝ VÀ GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI

Mục tiêu :

- Kiến thức: Cung cấp khái niệm, lịch sử hình thành công tác xã hội trên thế giới và Việt Nam. Phân tích triết lý nghề, các giá trị của nghề công tác xã hội, chuẩn mực đạo đức nghề công tác xã hội.

- Kỹ năng: Vận dụng các nguyên tắc đạo đức nghề công tác xã hội thực hành các chuẩn mực đạo đức trong công tác xã hội và trong thực tế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Rèn luyện tính tích cực trong học tập như: sự chăm chỉ, sáng tạo và tự học tập nghiên cứu bổ sung kiến thức;

+ Tôn trọng quyền con người và quyền được chăm sóc hỗ trợ của thân chủ;

+ Công bằng, khách quan trong trợ giúp đối tượng.

Nội dung chương:

I. Khái niệm về Công tác xã hội

1. Khái niệm về Công tác xã hội.

Công tác xã hội là một khoa học xã hội ứng dụng, là một nghề chuyên môn, ra đời vào đầu thế kỷ XX ở nhiều nước trên thế giới. Nó có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội của con người, của mỗi quốc gia. Sự ra đời và phát triển công tác xã hội đã đóng góp đáng kể vào việc ngăn ngừa và giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần bảo đảm công bằng xã hội và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia.

Ở nước ta, hoạt động mang tính chất "Công tác xã hội" đã có từ rất sớm trong lịch sử dân tộc. Đó là sự cứu trợ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng trên tinh thần "nhiều điều phải lấy giá gương...", "uống nước nhớ nguồn", "lá lành đùm lá rách"... Ngày nay, chúng ta có một đội ngũ đông đảo những cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động thực tiễn về Công tác xã hội trên các lĩnh vực: Lao động - Thương binh và Xã hội; Dân số - Gia đình và Trẻ em; Phụ nữ; Thanh niên... Tuy nhiên, Công tác xã hội mang tính chuyên nghiệp và đào tạo Công tác xã hội ở nước ta còn có khoảng cách xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

Để có cách hiểu thống nhất về Công tác xã hội, sau đây xin nêu lên vài định nghĩa về Công tác xã hội:

Theo Từ điển Công tác xã hội (1995): " Công tác xã hội là một khoa học xã hội ứng dụng nhằm giúp con người hoạt động có hiệu quả về mặt tâm lý xã hội và tạo ra những thay đổi trong xã hội để đem lại sự an sinh cao nhất cho con người ".

Theo Liên đoàn chuyên nghiệp xã hội quốc tế, tại Đại hội khoáng đại của Liên đoàn chuyên nghiệp xã hội quốc tế tổ chức tại Motreal (Canada) vào tháng 7 năm 2004, đã đưa ra một định nghĩa mới về Công tác xã hội như sau: " Công tác xã hội thúc đẩy sự thay đổi xã hội, tiến trình giải quyết vấn đề trong mối quan hệ con người và sự tăng quyền lực và giải phóng cho người dân nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và các hệ thống xã hội, Công tác xã hội can thiệp ở những điểm tương tác giữa con người và môi trường của họ"

Tuy nhiên trên thế giới, mỗi nước khác nhau, do những điều kiện chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội khác nhau nên có nhiều cách diễn đạt khác nhau về Công tác xã hội. Chẳng hạn:

Theo quan niệm của Hiệp hội chuyên gia Công tác xã hội Mỹ: Công tác xã hội là hoạt động chuyên môn nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng phục hồi hay tăng cường chức năng xã hội và tạo ra các điều kiện xã hội phù hợp để giúp họ thực hiện được mục đích cá nhân.

Theo quan niệm của Philippin: Công tác xã hội là một nghề chuyên môn, thông qua các dịch vụ xã hội nhằm phục hồi, tăng cường mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và môi trường vì nền an sinh của cá nhân và toàn xã hội.

Như vậy, các định nghĩa về Công tác xã hội của Liên đoàn chuyên nghiệp xã hội quốc tế, của Hiệp hội chuyên gia Công tác xã hội Mỹ và của Philippin tuy có sự khác nhau trong cách diễn đạt, nhưng nội hàm của khái niệm đều có những đặc trưng chung sau đây:

- Công tác xã hội được khẳng định là một khoa học, một hoạt động mang tính chuyên môn, chuyên nghiệp và được xã hội thừa nhận là một nghề chuyên nghiệp, độc lập với các nghề khác trong xã hội và không thể thiếu trong đời sống xã hội.

- Nói chung, Công tác xã hội nhằm giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết những vấn đề khó khăn nảy sinh trong cuộc sống, trong quá trình tương tác giữa cá nhân và môi trường, trong tiến trình phát triển xã hội. Từ đó, giúp họ

vượt qua khó khăn hiện tại để phục hồi hay tăng cường chức năng xã hội nhằm đem lại sự an sinh cao nhất cho con người và sự tiến bộ, công bằng xã hội.

- Các hoạt động can thiệp giúp đỡ của nhân viên xã hội chuyên nghiệp đều hướng vào thúc đẩy sự thay đổi xã hội, phát triển các mối quan hệ tương tác giữa các cá nhân, giữa con người và xã hội thông qua việc cung cấp các dịch vụ xã hội cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

- Trong thực hành Công tác xã hội, nhân viên xã hội sử dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên môn được đào tạo để giúp đối tượng /thân chủ/ tăng năng lực và quyền lực trong việc giải quyết vấn đề của họ. Đây có thể coi là quá trình nhân viên xã hội giúp đối tượng phát hiện được những khả năng tiềm tàng, những điểm mạnh và những nguồn lực sẵn có của bản thân (cá nhân, gia đình, cộng đồng) và nối kết với các nguồn lực xã hội trong việc tự lực giải quyết vấn đề của chính mình.

Nói đến những vấn đề thuộc chức năng xã hội là nói đến tình trạng liên quan đến vai trò xã hội của con người và việc thực hiện các vai trò ấy. Trong cuộc sống, trong lao động, mỗi con người thực hiện nhiều vai trò khác nhau: Vai trò cá nhân, vai trò xã hội và sự kết hợp các vai trò. Chẳng hạn: Trong mỗi gia đình, mỗi thành viên thực hiện chức năng, vai trò khác nhau trong mối quan hệ vợ - chồng, cha mẹ - con cái, anh chị - em ... Có người cùng lúc phải thể hiện nhiều vai trò khác nhau, như vai trò của người vợ đối với chồng, người mẹ đối với con cái, người con đối với cha mẹ; trong mỗi cộng đồng là việc thực hiện chức năng, vai trò người dân của một cộng đồng (tỉnh, thành phố, huyện, quận, xã, phường...); trong mỗi quốc gia, là việc thực hiện chức năng, vai trò của một công dân đối với xã hội, với đất nước.

Như vậy, mỗi con người mang nhiều vai trò khác nhau và thực tế cuộc sống là mạng lưới các vai trò năng động và các mối quan hệ giữa các vai trò. Có nhiều người vì lý do này hay lý do khác, không thể tiến hành một hoặc nhiều chức năng xã hội của họ một cách đầy đủ. Để giúp đỡ những người này, nghề Công tác xã hội đã ra đời, nhằm giúp các cá nhân thực hiện tốt các vai trò của mình và tăng cường sự tương tác, liên kết giữa các cá nhân và xã hội.

2. Phân biệt Công tác xã hội với hoạt động từ thiện

Thực tế, có rất nhiều người, ngay ở nhiều quốc gia phát triển vẫn chưa hiểu hết nội dung và ý nghĩa của Công tác xã hội trên cả phương diện lý thuyết cũng như trong hoạt động thực tiễn của Công tác xã hội. Điều quan trọng là vì chưa hiểu tường tận về Công tác xã hội với tư cách là một khoa học, một nghề chuyên môn, dẫn tới có những người làm công việc không phải là Công tác xã hội nhưng lại cho rằng mình đã và đang làm Công tác xã hội. Ở Việt Nam cũng vậy, có rất nhiều người còn đồng hoá Công tác xã hội với công tác từ thiện, thực tế họ chỉ tham gia các hoạt động xã hội hoặc làm từ thiện nhưng lại cho rằng mình đang làm Công tác xã hội. *Ví dụ:* Nhiều người làm việc thiện như ủng hộ vào Quỹ xoá đói giảm nghèo, Quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam, Quỹ đền ơn đáp nghĩa... họ đã nghĩ và cho rằng mình đang làm Công tác xã hội, hoặc một số kênh thông tin đại chúng cũng thường đưa tin về vấn đề trên như vậy. Thực ra đó chỉ là những hoạt động xã hội, từ thiện. Để làm sáng tỏ vấn đề này, cần thiết phải đưa ra sự phân biệt giữa Công tác xã hội và công tác từ thiện.

Điểm chung giống nhau giữa Công tác xã hội với hoạt động từ thiện là đều hướng vào việc giúp đỡ con người, thông qua việc cung cấp vật chất và phi vật chất đáp ứng các nhu cầu của con người trước những tình huống khó khăn mà con người đang phải đối mặt mà bản thân họ không tự giải quyết được, đang cần sự giúp đỡ.

Tuy nhiên, hoạt động Công tác xã hội và hoạt động từ thiện có những đặc điểm khác nhau cơ bản sau đây:

Về động cơ giúp đỡ: Trong hoạt động Công tác xã hội, nhân viên xã hội coi việc giúp đỡ đối tượng và lợi ích của đối tượng được giúp đỡ là mối quan tâm hàng đầu và duy nhất, là nhiệm vụ mà ngành Công tác xã hội và xã hội giao phó. Còn hoạt động từ thiện, người làm từ thiện còn có những động cơ khác, như làm việc thiện là để đức cho con cháu hoặc muốn tạo uy tín cá nhân, muốn khẳng định vị trí xã hội của họ hoặc vì mục đích chính trị hay kinh tế ... Như vậy, hoạt động Công

tác xã hội mang động cơ nghề nghiệp; còn hoạt động từ thiện mang động cơ cá nhân.

Về phương pháp giúp đỡ: Công tác xã hội đề cao nguyên tắc "tự giúp" trên cơ sở tăng năng lực và trao quyền nhiều hơn cho đối tượng trong việc tự lực giải quyết vấn đề của chính họ bằng cách cho đối tượng cân câu thay vì cho xâu cá, nhằm giúp họ phát huy tiềm năng và nguồn lực bên trong của bản thân họ, để họ tự vươn lên giải quyết vấn đề khó khăn của chính mình, với sự hỗ trợ của nhân viên xã hội. Để thực hành Công tác xã hội, nhân viên xã hội phải được đào tạo các kiến thức, kỹ năng làm việc với cá nhân, gia đình, cộng đồng và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp phép hành nghề. Còn hoạt động từ thiện của các tổ chức, cá nhân chỉ thuần túy mang tính chất ban phát vật chất từ bên ngoài nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng tạm thời vượt qua những khó khăn trước mắt khi họ bị thiên tai, tai nạn hoặc các rủi ro, bất hạnh khác dẫn đến việc mất hoặc thiếu thốn các nguồn lực cá nhân để đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Như vậy, hoạt động từ thiện xuất phát từ tinh thần tương thân tương ái, từ thiện tâm, thiện chí mang tính chất bản năng của con người và người làm từ thiện không phân biệt tuổi tác, giới tính, dân tộc, chủng tộc, trình độ học vấn, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế giàu nghèo... và không cần phải được đào tạo các kiến thức, kỹ năng về Công tác xã hội. Công tác xã hội bao gồm cả hệ thống lý thuyết, kỹ năng để điều chỉnh hành vi con người, hệ thống xã hội và môi trường xã hội.

Về mối quan hệ giữa người giúp đỡ và người được giúp đỡ: Trong Công tác xã hội, quan hệ giữa nhân viên xã hội và đối tượng /thân chủ/ là mối quan hệ nghề nghiệp, mang tính trực tiếp, bền chặt và được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, được tạo lập, duy trì và phát triển trong suốt quá trình giúp đỡ. Nhân viên xã hội hành động trên cơ sở các giá trị, đạo đức, nguyên tắc nghề nghiệp của ngành Công tác xã hội quy định, được sự bảo hộ của Nhà nước và pháp luật và mang tính bền vững. Còn trong hoạt động từ thiện, mối quan hệ giữa người giúp đỡ và người được giúp đỡ đơn thuần là cho - nhận, mang tính gián tiếp, ngắn hạn, lỏng

lẽo và không theo đuổi mục đích bền vững. Hoạt động từ thiện xuất phát từ lòng nhân đạo, từ tình thương yêu đồng loại trên tinh thần " Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng" hay " Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn", " Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ", " Một miếng khi đói bằng cả gói khi no"...

Về kết quả của sự giúp đỡ: Kết quả của hoạt động Công tác xã hội mang tính tích cực hơn do đối tượng tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề của chính họ và tự quyết định cách thức giải quyết vấn đề. Điều này đã không tạo ra tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ từ bên ngoài và đã khơi dậy, phát huy được tiềm năng bên trong của người được giúp đỡ. Nhờ đó, vấn đề của đối tượng được giải quyết tận gốc, có tính bền vững. Còn hoạt động từ thiện, đối tượng không trực tiếp tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề của chính họ do sự giúp đỡ chỉ đơn thuần mang tính ban phát "cho - nhận" từ bên ngoài để giúp đối tượng giải quyết các khó khăn tức thời trước mắt, không bắt nguồn từ các nguyên nhân sâu xa làm nảy sinh các vấn đề khó khăn của đối tượng và không theo đuổi mục tiêu của sự phát triển bền vững của đối tượng. Chính vì vậy, người được giúp đỡ tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề mang tính thụ động và thường tạo ra tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ từ bên ngoài; vì thế, vấn đề của họ không được giải quyết tận gốc và không có tính bền vững.

Ví dụ: Trong hoạt động giúp đỡ người nghèo, giữa hoạt động từ thiện và hoạt động Công tác xã hội có những điểm khác nhau cơ bản như sau:

- Đối với hoạt động từ thiện: Động cơ giúp đỡ mang tính chất cá nhân của người giúp đỡ được xuất phát từ tình thương yêu đồng loại; Phương pháp giúp đỡ được tiến hành bằng cách ban phát vật chất (giá trị hoặc hiện vật); Mối quan hệ giữa người giúp đỡ và người được giúp đỡ thể hiện quan hệ cho - nhận; Kết quả người được giúp đỡ vượt qua được khó khăn trước mắt, nhưng không bền vững bởi vấn đề nghèo đói không được giải quyết tận gốc do sự giúp đỡ không xuất phát từ việc giải quyết các nguyên nhân của sự nghèo đói.

- Đối với hoạt động Công tác xã hội: Động cơ giúp đỡ mang tính chất nghề nghiệp của ngành Công tác xã hội quy định; Phương pháp giúp đỡ dựa trên nguyên tắc tự giúp, nhân viên xã hội sử dụng các kiến thức, kỹ năng, phương pháp chuyên nghiệp đã được đào tạo cùng với đối tượng đưa ra các quyết định và cùng tham gia vào quá trình giải quyết vấn đề của đối tượng; Mỗi quan hệ giữa đối tượng và nhân viên xã hội là mối quan hệ nghề nghiệp; Kết quả người được giúp đỡ không chỉ vượt qua những khó khăn nhất thời mà còn lâu dài, bền vững bởi quá trình giúp đỡ đã hướng vào giải quyết những nguyên nhân sâu xa nảy sinh vấn đề nghèo đói và có sự tham gia, quyết định của đối tượng.

II. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội

Trong mỗi thời kỳ phát triển của xã hội loài người, ở mỗi chế độ xã hội khác nhau luôn tồn tại sự khác nhau về trình độ phát triển, về mức sống giữa các thành viên, các nhóm xã hội. Có những cá nhân và nhóm xã hội do nhiều lý do khác nhau, ít hoặc không có điều kiện và cơ hội để tiếp cận các nguồn và lợi ích. Những người này sẽ gặp những khó khăn trong cuộc sống, trở thành những người thiệt thòi, yếu thế, dễ bị tổn thương và thường không có khả năng hoặc thiếu nguồn hỗ trợ để đáp ứng các nhu cầu của bản thân.

Trong mỗi xã hội, dù ít hay nhiều luôn có những người quan tâm giúp đỡ người khác, cảm thông với những khó khăn của người khác và sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu và những khó khăn của đồng loại. Những người giúp đỡ này đều hiện hữu trong thời kỳ lịch sử nhân loại, là tiền thân của nhân viên xã hội thời kỳ hiện đại.

Sự phát triển các hình thức tương trợ, giúp đỡ của những nhân viên tình nguyện cũng như sự phát triển các hoạt động chuyên nghiệp của nhân viên xã hội tùy thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, văn hoá, xã hội và chính trị của từng quốc gia, từng thời kỳ.

Lịch sử hình thành và phát triển Công tác xã hội ở các quốc gia trên thế giới đều bắt nguồn từ những hoạt động từ thiện của những người tình nguyện.

Thời kỳ trước cách mạng công nghiệp, các hiện tượng xã hội như vấn đề người già, trẻ em mồ côi, phụ nữ goá bụa... được sự cứu trợ, đùm bọc của những người thân trong gia đình, dòng họ; sự giúp đỡ trên tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng và sự cứu giúp của các nhà thờ.

Thời kỳ cách mạng công nghiệp, do tác động của quá trình kinh tế làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như: Nghèo đói, thất nghiệp, người lang thang, nghiện ngập ma túy, mại dâm... đã xuất hiện các phong trào làm việc từ thiện của các cá nhân, tổ chức tình nguyện để giúp đỡ những người khốn khó, bản cùng vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Sau đó, nghề Công tác xã hội đã hình thành và phát triển để tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội rộng lớn, phức tạp mà tự thân các hoạt động từ thiện, tình nguyện không thể giải quyết được. Tuy nhiên, quá trình hình thành nghề Công tác xã hội diễn ra khác nhau giữa các quốc gia, châu lục trên thế giới.

Sau đây, giới thiệu sơ lược quá trình hình thành, phát triển Công tác xã hội ở một số châu lục, quốc gia trên thế giới và Việt Nam.

1. Sơ lược lịch sử Công tác xã hội trên thế giới

Ở Châu Âu: Nước Anh là cái nôi xuất phát các phong trào làm việc từ thiện sớm nhất (những năm 1800) do bối cảnh xã hội Anh lúc bấy giờ nảy sinh nhiều vấn đề xã hội bởi sự tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp, như: Nạn thất nghiệp, người lang thang, nghèo đói, nghiện ngập ma túy và nạn mại dâm... Để góp phần giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh, thoát đầu ở Luân Đôn, nhiều nhóm tình nguyện viên đã hình thành. Hiệp hội các tổ chức từ thiện (viết tắt là C.O.S) ra đời ở Luân Đôn năm 1869. Đây là tổ chức các người trí thức tình nguyện gồm các bác sỹ, giáo viên, luật sư, kỹ sư... hợp nhau lại với mục đích giúp đỡ những người gặp khó khăn. Họ chia nhau đi thăm viếng và giúp đỡ những gia đình có vấn đề khó khăn ở các khu nhà ổ chuột, xóm lao động...

Ban đầu hoạt động của nhóm này chủ yếu là cứu trợ những người thất nghiệp nghèo đói từng bị xem là những "kẻ lười biếng", "thiếu đạo đức". Sau đó,

họ nhận thấy rằng nếu cứ tiếp tục hình thức giúp đỡ theo kiểu ban phát thì đối tượng sẽ trông chờ, ỷ lại và không tự lực vươn lên. Họ đã rút ra bài học kinh nghiệm và thay đổi hình thức giúp đỡ thay vì sự giúp đỡ mang tính ban phát bằng sự tự giúp. COS đã tổ chức nhiều chương trình lao động cho những người nghèo còn khả năng lao động để họ có thể sinh sống bằng công việc làm ăn chính đáng.

Lịch sử từng trường hợp cá nhân và sự chuyển biến của họ được ghi chép cẩn thận. Các hồ sơ cứu trợ cá nhân được tập trung ở từng địa phương để tránh tình trạng một cá nhân đi kêu cứu ở nhiều cơ quan.

Lúc đầu COS không giúp đỡ vật chất, chỉ thăm viếng để giới thiệu cho các cơ quan cứu trợ. Nhưng về sau, do làm tốt công việc này nên COS được các cơ quan cứu trợ chuyển giao cho COS làm công tác cứu trợ.

Từ chỗ trực tiếp giúp đỡ từng cá nhân, người giúp đỡ đã sớm nhận ra rằng con người lâm vào hoàn cảnh khó khăn không chỉ hoàn toàn do yếu kém của chính cá nhân họ mà còn do những tác động bởi môi trường, của quá trình phát triển nên cần thay đổi cách thức giúp đỡ bằng cách tác động đến những nguyên nhân làm nảy sinh vấn đề, vào sự tương tác giữa các thành viên và xã hội. Những kinh nghiệm đầu tiên này của COS đã đặt nền tảng cho hoạt động của ngành Công tác xã hội sau này.

Phương pháp giúp đỡ mang tính khoa học đầu tiên là phương pháp Công tác xã hội cá nhân, sau đó đến Công tác xã hội nhóm và Phát triển cộng đồng.

Đội ngũ tình nguyện viên được đào tạo các kiến thức, kỹ năng làm việc với đối tượng và trở thành những nhân viên xã hội chuyên nghiệp. Từ đó, nghề Công tác xã hội ra đời và đã được xã hội chấp nhận, độc lập với các nghề khác.

Ở Mỹ: Phong trào COS từ Anh lan sang Mỹ và hình thành COS đầu tiên ở Buffalo, New York năm 1877.

Năm 1898, COS ở New York mở khoá tập huấn nghiệp vụ đầu tiên cho 27 học viên, gọi là "khóa học mùa hè cho các nhân viên hoạt động nhân đạo", thời gian tập huấn kéo dài 6 tuần.

Cũng trong năm 1898, trường đào tạo các nhân viên xã hội đầu tiên được thành lập - Trường Nhân ái New York (sau này là Trường Đại học Công tác xã hội Columbia). Năm 1904, chương trình đào tạo Công tác xã hội với thời gian đào tạo một năm được tiến hành. Sau đó, lần lượt ra đời các trường Công tác xã hội khác ở Philadelphia, Boston, Chicago.

Năm 1905, Richard Cabot lần đầu tiên đã đưa Công tác xã hội vào bệnh viện Đa khoa Massaclensetts và dần dần sau đó, các nhân viên xã hội có mặt hoạt động tại các trường học, toà án và các tổ chức khác.

Chương trình đào tạo Công tác xã hội ban đầu tập trung vào cả những nỗ lực thay đổi môi trường và nỗ lực giúp các cá nhân điều chỉnh tốt hơn với môi trường xã hội.

Năm 1917, Mary Richmond đã xuất bản cuốn sách "Chẩn đoán xã hội - Social Diagnosis". Đây được coi là dấu mốc quan trọng đầu tiên cho việc hình thành các lý thuyết và phương pháp Công tác xã hội. Cuốn sách tập trung vào nội dung người nhân viên xã hội nên can thiệp với các cá nhân như thế nào? Cho đến nay, các tiến trình làm việc với cá nhân được bà đưa ra vẫn được sử dụng phần nào (từ bước thu thập thông tin đến chẩn đoán và lên kế hoạch trị liệu).

Vào những năm 1920, lý thuyết về sự phát triển nhân cách và trị liệu của Sigmund Freud được phổ biến rộng rãi. Các khái niệm và những lý giải của các nhà tâm lý học được đưa ra phù hợp với các nhân viên xã hội làm việc với cá nhân trong mối quan hệ một - một với đối tượng. Vì vậy Công tác xã hội chịu nhiều ảnh hưởng của lý thuyết này trong gần 3 thập kỷ sau đó. Đến sau chiến tranh thế giới lần thứ II, Công tác xã hội được công nhận như một nghề chuyên nghiệp.

Đến những năm 1960, có sự thay đổi diễn ra trong việc phát triển chuyên môn Công tác xã hội cùng với cách tiếp cận Xã hội học. Lúc này, phương pháp tiếp cận Xã hội học tỏ ra có hiệu quả và phù hợp khi đưa ra các tổ chức, cơ quan vào việc đáp ứng các nhu cầu của đối tượng.

Mô hình hoạt động công tác xã hội và đào tạo công tác xã hội của Anh và Mỹ đã phát triển lan rộng ra nhiều nước ở châu Âu (Hà Lan, Đức, Pháp...) sang châu Á và Mỹ La tinh.

Những năm sau này, Công tác xã hội được phát triển theo nhiều mô hình, quan điểm khác nhau, như: Quan điểm bảo vệ quyền của phụ nữ, khủng hoảng và phát triển các cách tiếp cận: Tiếp cận dựa trên giải pháp, tiếp cận dựa trên điểm mạnh của đối tượng... Cho đến ngày nay, Công tác xã hội chú trọng vào việc "trao quyền" tăng năng lực. Khác với lúc sơ khai ban đầu là trị liệu thì bây giờ là can thiệp.

Ở châu Á, việc đào tạo nhân viên xã hội chuyên nghiệp được bắt đầu từ Trung Quốc, vào những năm 1920. Sau đó sang Ấn Độ và Philippin. Tuy nhiên, Ấn độ lại là nước đầu tiên ở châu Á thành lập trường Công tác xã hội (trường Công tác xã hội Bombay năm 1939). Trung Quốc, sau một số năm gián đoạn đã tiếp cận trở lại ngành Công tác xã hội vào năm 1950. Ở châu Á hiện nay đã thành lập Hiệp hội Công tác xã hội Châu Á - Thái Bình Dương.

Ngày nay, nhân viên xã hội chuyên nghiệp được đào tạo ở tất cả các cấp trình độ từ trung cấp, cử nhân, thạc sỹ đến tiến sỹ. Các trường đào tạo Công tác xã hội phát triển ở hầu hết các châu lục.

2. Sơ lược lịch sử Công tác xã hội ở Việt Nam

Thời kỳ thuộc Pháp, công tác xã hội chuyên nghiệp được biết tới qua hình ảnh các cán sự xã hội phục vụ trong các tổ chức Chữ thập đỏ, trong quân đội Pháp. Năm 1947, khoá huấn luyện cán sự xã hội Việt Nam đầu tiên được Hội Chữ thập đỏ Pháp khởi xướng ở Sài Gòn tại Trung tâm Thevent (đường Thevent, nay là đường Tú Xương). Năm 1949, Trung tâm huấn luyện này đổi tên thành Trường Công tác xã hội Caritas, đặt tại 38 - Tú Xương, giao cho một dòng nữ tu Thiên chúa giáo quản lý. Các khoá chính quy của trường đào tạo những nhân viên công tác xã hội trình độ Trung cấp, gọi là cán sự xã hội và hoạt động cho tới ngày miền Nam được giải phóng.

Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, ở miền Nam, giữa thập kỷ 60, Bộ Xã hội của chính quyền Sài Gòn lúc đó yêu cầu tổ chức Liên hợp quốc (tổ chức UNDP và UNICEF) giúp đỡ thành lập trường Công tác xã hội. Theo đó, một đoàn chuyên gia quốc tế đã được cử đến Sài Gòn, cùng với một số chuyên gia trong nước xúc tiến việc thành lập " Trường Công tác xã hội quốc gia", chương trình đào tạo 4 năm, đầu ra cuối cùng là Cử nhân Công tác xã hội (ngạch giám sự xã hội) được chia làm 2 giai đoạn (sau hai năm đầu sinh viên tốt nghiệp ra trường làm việc ở ngạch Kiểm sự xã hội, sau đó trở lại học tiếp giai đoạn hai để được cấp bằng Cử nhân). Tuy nhiên, trường mới chuẩn bị đào tạo giai đoạn hai thì miền Nam được giải phóng.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đào tạo Công tác xã hội tạm thời lắng xuống. Vào những năm đầu của thập kỷ 90, hoạt động Công tác xã hội và đào tạo Công tác xã hội phát triển trở lại, trước hết ở các tỉnh phía Nam, sau đó phát triển mạnh ở các tỉnh phía Bắc.

Năm 1992, bộ môn Công tác xã hội được đưa vào giảng dạy tại khoa Phụ Nữ học - Đại học mở bán công, thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1995, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức khoá tập huấn Cán sự xã hội đầu tiên cho các giảng viên thuộc các trường thuộc Bộ và cán bộ làm Công tác xã hội tại các cơ sở Bảo trợ xã hội thuộc Bộ. Đặc biệt, trong khuôn khổ dự án hợp tác UNV - MOLISA - CFSI, chương trình đào tạo Công tác xã hội được thúc đẩy thông qua nhiều khoá tập huấn ngắn hạn về Công tác xã hội cho các cán bộ làm Công tác xã hội ở nhiều Bộ, ngành và địa phương trên phạm vi cả nước.

Năm 1997, trường Cao đẳng Lao động - Xã hội được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo Công tác xã hội, trình độ cử nhân Cao đẳng chuyên ngành Công tác Xã hội với chương trình đào tạo 3 năm.

Một số trường khác, như: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn; Đại học Công đoàn - Hà Nội; Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương; Trường Thanh, Thiếu niên Trung ương cũng đưa các nội dung Công tác xã hội vào chương trình đào tạo của trường theo các mức độ khác nhau.

Ngoài ra, nhiều Bộ, ngành được sự giúp đỡ của các tổ chức Quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ đã tiến hành nhiều khoá tập huấn ngắn hạn về Công tác xã hội cho các cán bộ làm việc với trẻ em, gia đình và cộng đồng thông qua các chương trình dự án.

Hiện nay, đào tạo Công tác xã hội đang được quan tâm phát triển rộng khắp từ Nam chí Bắc. Nội dung chương trình đào tạo từng bước thể hiện tính chuyên nghiệp của nghề Công tác xã hội. Hình thức đào tạo phát triển đa dạng, phong phú (chính quy và phi chính quy). Đặc biệt, trường Cao đẳng Lao động - Xã hội đã cử một số cán bộ, giảng viên đi đào tạo Thạc sỹ Công tác xã hội ở ngoài nước tại các nước Canada, Philippin trong chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Canada. Ngày 11 tháng 10 năm 2004, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã ra quyết định ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng. Theo đó, một số trường đại học, cao đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta được giao nhiệm vụ đào tạo công tác xã hội trình độ đại học, cao đẳng.

Như vậy, có thể nói rằng, về cơ bản Công tác xã hội đã có bề dày phát triển trên thế giới hàng vài chục năm, thậm chí có những nước đã có bề dày phát triển Công tác xã hội hàng trăm năm nay, được xã hội thừa nhận là một nghề chuyên nghiệp không thể thiếu trong đời sống xã hội. Từng quốc gia có Hiệp hội Công tác xã hội và Hiệp hội các Trường Công tác xã hội. Trên phạm vi quốc tế, có Hiệp hội Công tác xã hội quốc tế, Hiệp hội các trường Đại học Công tác xã hội toàn cầu.

III. Triết lý và giá trị của nghề Công tác xã hội

1. Triết lý của nghề Công tác xã hội

Trong các học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin đều đã khẳng định: con người vừa là một thực thể tự nhiên vừa là một thực thể xã hội, con người vừa là sản phẩm của xã hội vừa là chủ thể của lịch sử.

Là thực thể tự nhiên, con người có những nhu cầu vật chất và tinh thần và đòi hỏi được đáp ứng các nhu cầu đó. Là thực thể của xã hội, con người có các mối quan hệ xã hội.

Là con người xã hội, con người có các mối quan hệ tương tác giữa con người với con người, con người với xã hội và liên hệ chặt chẽ với tự nhiên. Để đạt tới sự phát triển hài hoà giữa con người và xã hội, giữa con người với tự nhiên, đòi hỏi con người cần phải thể hiện trách nhiệm của mình với xã hội; đồng thời xã hội cũng phải có trách nhiệm bảo vệ, giúp họ đáp ứng các nhu cầu của cá nhân.

Là con người, ai cũng có mong muốn được an toàn, bình yên trong cuộc sống, được tham gia, cống hiến công sức, trí tuệ, tài năng của mình cho đất nước và sự phát triển của cá nhân và xã hội.

Trong sự vận động, phát triển của cá nhân và xã hội, suy cho cùng nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người và vì một xã hội tiến bộ và công bằng hơn. Tuy nhiên, trong thực tiễn phát triển, ở mỗi thời kỳ khác nhau, mỗi chế độ xã hội khác nhau vẫn luôn luôn tồn tại những cá nhân, gia đình, cộng đồng vì nhiều lý do khác nhau không được đáp ứng các nhu cầu cơ bản cần cho cuộc sống. Họ không được bảo đảm trên thực tế các quyền cơ bản của con người, tạo ra những bất bình đẳng trong xã hội.

Đối tượng phục vụ của công tác xã hội là con người. Muốn thực sự giúp đỡ con người, đáp ứng các quyền cơ bản của con người, thực hiện công bằng xã hội thì ngành Công tác xã hội cần trang bị cho mình một nền tảng triết lý làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Triết lý hành động được xây dựng trên cơ sở các quan điểm nhìn nhận con người một cách đúng đắn, đó là 6 quan điểm mang tính nguyên tắc, định hướng trong hoạt động cung cấp các dịch vụ cho con người. Đó là:

- Con người là trung tâm, là động lực, là mối quan tâm hàng đầu cơ bản của xã hội.
- Giữa cá nhân và xã hội có sự phụ thuộc tác động qua lại với nhau.
- Cá nhân và xã hội đều phải có trách nhiệm đối với nhau.
- Con người có những nhu cầu cơ bản giống nhau, nhưng mỗi người là một thực thể độc lập, có tính cách riêng, hoàn cảnh sống và nhu cầu cá nhân không giống người khác, và có khả năng thay đổi.

- Mỗi con người cần được phát huy hết tiềm năng của mình và cần phải thực hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua sự tích cực tham gia vào xã hội.

Xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện để khắc phục những trở ngại đối với việc phát huy tiềm năng của cá nhân. Những trở ngại ấy chính là sự mất cân bằng trong quan hệ giữa cá nhân với cá nhân và cá nhân với xã hội.

Hoạt động Công tác xã hội chuyên nghiệp được đặt trên tiền đề về niềm tin rằng tất cả con người (không phân biệt giới tính, tuổi tác, dân tộc, chủng tộc, tín ngưỡng, trình độ học vấn, tính cách, tình trạng kinh tế, địa vị chính trị...) đều có giá trị và nhân phẩm vốn có. Con người cần được tôn trọng và có một điều kiện nhất định cho cuộc sống có lợi cho họ. Công tác xã hội đặt niềm tin về khả năng thay đổi của con người và môi trường xã hội cần cho cuộc sống của con người và sự phát triển của xã hội.

Nói đến hạnh phúc con người, trước hết phải quan tâm đến hạnh phúc của từng người, từng gia đình. Chỉ khi nào các cá nhân được hạnh phúc, gia đình hạnh phúc thì nền tảng xã hội mới được bền vững, cũng như gốc có vững thì cây mới bền. Nhưng hạnh phúc cá nhân chỉ thực sự có được khi và chỉ khi gia đình và xã hội phát triển hài hoà, khi từng người không chỉ lo cho riêng mình mà phải có trách nhiệm với người khác, với xã hội trên tinh thần mình vì mọi người, mọi người vì mình.

Một người làm phúc không phải là một nhân viên xã hội. Công tác xã hội là một khoa học, một nghề, có hệ thống triết lý và lý thuyết, kỹ năng riêng. Việc thực hiện nhiệm vụ của các nhân viên xã hội được kiểm soát thông qua các quy định về đạo đức của ngành Công tác xã hội. Các quy định đạo đức này được xây dựng trên cơ sở nền tảng triết lý, các giá trị và các nguyên tắc hành động của Công tác xã hội.

2. Các giá trị của nghề Công tác xã hội

Giá trị là những quan niệm về sự khao khát định hướng hành động (Bengston và Lovejoy).